



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PGS.TS. NGUYỄN TRÚC LÊ (Chủ biên)

VIỆT NAM và VƯƠNG QUỐC ANH

QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI
HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ CÁC-BON THẤP
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PGS.TS. NGUYỄN TRÚC LÊ
(Chủ biên)

VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC ANH
QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ CÁC-BON THẤP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỦ SÁCH KHOA HỌC
MS: 460-KHXH-2021



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

VAI TRÒ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VƯƠNG QUỐC ANH VÀ VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguyễn Thị Thủy Anh*, Phạm Thu Thủy**

1. MỞ ĐẦU

Năm 2015, Liên Hợp Quốc công bố 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals - SDGs), bao gồm xóa nghèo (SDG1); không còn nạn đói (SDG2); sức khỏe và cuộc sống tốt (SDG3); giáo dục chất lượng (SDG4); bình đẳng giới (SDG5); nước sạch và Vệ sinh (SDG6); năng lượng sạch giá hợp lý (SDG7); công việc tốt và Tăng trưởng kinh tế (SDG8); công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng (SDG9); giảm bất bình đẳng (SDG10); các thành phố và cộng đồng bền vững (SDG11); tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm (SDG12); hành động về Khí hậu (SDG13); tài nguyên và môi trường biển (SDG14); tài nguyên và môi trường trên đất liền (SDG15); hòa bình, công bằng và các thể chế mạnh mẽ (SDG16); và đối tác thực hiện mục tiêu (SDG17). 17 mục tiêu này thừa nhận rằng việc chấm dứt nghèo đói và các thiếu thốn khác phải đi đôi với các chiến lược cải thiện sức khỏe và giáo dục, giảm bất bình đẳng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - tất cả đồng thời giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và nỗ lực bảo tồn đại dương và rừng của chúng ta (UN, 2015).

Hiện nay các quốc gia trên toàn cầu, trong đó có Vương quốc Anh (UK) và Việt Nam đang tích cực xây dựng nhiều chính sách mới nhằm thực hiện 17 SDG. Các chính sách này nhấn mạnh tầm

* Học viện Ngoại giao.

** Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế.

quan trọng về sự tham gia tích cực của các thành phần trong xã hội, trong đó có ngành giáo dục (SDSN, 2017). Vai trò của ngành giáo dục không chỉ được khẳng định trong mục tiêu số 4 (SDG4) mà các trường đại học - là nơi tạo ra nguồn lực xã hội chính - còn giúp thiết kế các chính sách dựa trên SDG; khuyến khích nghiên cứu và phát triển theo định hướng SDG; ươm tạo các doanh nghiệp phát triển bền vững mới, đào tạo dựa trên SDG các nhà lãnh đạo phát triển bền vững trong tương lai thông qua học tập kinh nghiệm và liên ngành; và thúc đẩy sự tham gia của nhiều bên liên quan (UNSDSN, 2017; Silvia và cộng sự, 2020). Các trường đại học với mục tiêu luôn tìm giải pháp mới cho các vấn đề tồn tại, đồng thời đưa ra các đánh giá tính hiệu quả của chính sách, giải pháp kinh tế, kĩ thuật, xã hội và môi trường cũng cung cấp các phân tích đầu vào cho các nhà hoạch định chính sách khi xây dựng hoặc sửa đổi một chính sách mới (Ferrer-Balas và cộng sự, 2009; Đại học Skovde, 2016; Khairuzzaman, 2017). Thông qua việc giảng dạy, các trường đại học có trách nhiệm trang bị cho thế hệ lãnh đạo, nhà đổi mới và nhà tư tưởng tiếp theo hiểu được những thách thức toàn cầu mà thế giới đang đối mặt và vai trò của họ trong việc vươn lên để đáp ứng những thách thức này. Thông qua nghiên cứu của họ và đào tạo các nhà lãnh đạo nghiên cứu, các trường đại học đi đầu trong việc tìm kiếm các giải pháp xã hội, kinh tế, môi trường và kỹ thuật bền vững cho các vấn đề toàn cầu. Cuối cùng, thông qua hoạt động của chính mình, các trường đại học có thể đi tiên phong trong đổi mới và có thể làm gương cho các lĩnh vực và doanh nghiệp khác. Điều quan trọng đối với tương lai của thế giới là tất cả các trường đại học đều đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDSN, 2020). Bên cạnh đó, các trường đại học lớn là nhân tố quan trọng thúc đẩy quan hệ giữa các địa phương và các quốc gia trên thế giới, từ đó đóng góp quan trọng vào thực hiện SDG16 và 17 và các mục tiêu còn lại (EUA, 2020).

Hiện nay, ở cả Việt Nam và Vương quốc Anh, việc nghiên cứu về phát triển bền vững ở các trường đại học đã được chú trọng trong

hiều năm. Các sáng kiến và chính sách thúc đẩy hợp tác, giảng dạy và trao đổi nghiên cứu giữa các trường đại học Anh và đại học Việt Nam là ưu tiên hàng đầu trong việc xây dựng mối quan hệ giữa hai quốc gia ngày càng bền vững (Hà Phương, 2018; Insider Việt Nam, 2018; Trung tâm Truyền thông Giáo dục, 2019; VNA, 2021). Tuy nhiên, với nguồn lực tài chính và nguồn lực con người khác nhau, hệ thống giáo dục của Vương Quốc Anh và Việt Nam có những ưu nhược điểm riêng. Việc tận dụng các ưu điểm sẵn có, chuyển giao kiến thức trong các lĩnh vực đột phá của mỗi quốc gia đồng thời cùng nhau hoàn thiện các yếu tố của hai hệ thống giáo dục hướng tới thực hiện 17 mục tiêu SGD toàn diện đang là trọng tâm của các thảo luận cấp cao giữa hai nước (BC, 2015; EVBN, 2018; BC, 2018; Việt Nam Insider, 2018). Tuy nhiên, vẫn còn rất ít các nghiên cứu đánh giá tiềm năng và cơ hội trao đổi hợp tác trong những thập kỷ tới, đặc biệt khi Việt Nam và Vương quốc Anh sẽ phải báo cáo về quá trình thực hiện SDGs của mình. Dựa trên việc rà soát các tài liệu thứ cấp, báo cáo này thảo luận về vai trò của các trường đại học tại Anh và Việt Nam trong việc thực hiện phát triển bền vững, đồng thời đưa ra những khuyến nghị về ưu tiên hỗ trợ giảng dạy trong hệ thống giảng dạy và hợp tác của 2 quốc gia trong lĩnh vực này. Bài viết này được cấu trúc thành 3 phần. Sau phần mở đầu, phần 2 sẽ trình bày tổng quan về hệ thống giáo dục đại học tại Anh và Việt Nam, phần 3 sẽ trình bày kết luận và giải pháp.

2. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CỦA UK VÀ VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ TRONG VIỆC THỰC HIỆN SDGS

2.1. Tổng quan về hệ thống giáo dục đại học của Vương quốc Anh và Việt Nam

Vương quốc Anh là một trong các quốc gia có nền giáo dục đứng đầu thế giới, đặc biệt là giáo dục đại học ở Anh luôn có vị trí cao trong các bảng xếp hạng đại học trên thế giới. Theo số liệu từ Time Higher Education, nước Anh có hai trường đại học nằm trong top 10 trường đại học tốt nhất thế giới năm 2021: Đại học Oxford (đứng thứ nhất), Đại học Cambridge (đứng thứ 6). Trong khi đó,

Việt Nam có 3 trường đại học được xếp hạng trong bảng xếp hạng này, Đại học Quốc gia Hà Nội có thứ hạng cao nhất trong 3 trường - thuộc nhóm thứ hạng 801 - 1000. Hai trường còn lại là Trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm 1001+. Rõ ràng, nền giáo dục đại học của Việt Nam và Vương quốc Anh có sự cách biệt rất lớn. Trong các tiêu chí đánh giá chất lượng nền giáo dục, nghiên cứu khoa học là một trong các chỉ số giáo dục được sử dụng bởi hầu hết các bảng xếp hạng toàn cầu để đánh giá chất lượng giáo dục của mỗi quốc gia (EUA, 2020).

Bảng 1. Tổng quan về hệ thống đại học của UK và Việt Nam năm 2019 - 2020

	Anh	Việt Nam
Tổng số trường ĐH	165	237
Tổng số sinh viên ĐH hiện nay	2,697,380	1,672,881
Tổng số sinh viên ĐH dự báo trong năm tới	296,711,800 (tăng 11%) sự gia tăng lớn ở những người nộp đơn lớn tuổi từ bên ngoài EU. Số lượng người nộp đơn từ EU đã giảm 40%.	2,203,442 (tăng 530 nghìn sinh viên)
Số sinh viên nước ngoài	556,625	21,000
Tổng doanh thu từ ngành giáo dục đại học (tỷ đồng)	1312.95 tỷ đồng	253.32 tỷ đồng
Ngân sách của Nhà nước đầu tư cho ngành giáo dục đại học (tỷ đồng)	152.19 tỷ đồng	216.5 tỷ đồng

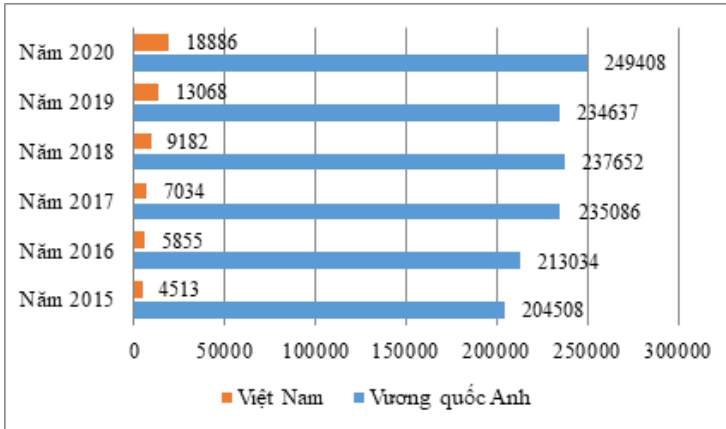
(Nguồn: Báo Thanh niên, 2021; Báo Tiền phong, 2020; HESA, 2020;

Nghị viện Anh, 2021; Statista, 2021)

Bảng 1 cho thấy đầu tư của Chính phủ Anh vào ngành giáo dục chỉ chiếm chưa đầy 1/9 nguồn thu mà ngành giáo dục đại học đem lại. Trong khi đó, nguồn thu của giáo dục đại học Việt Nam còn rất khiêm tốn so với Vương quốc Anh.

Bảng 1 và Hình 1 cho thấy có một khoảng cách rất lớn giữa số lượng, chất lượng đầu tư và hiệu quả nghiên cứu tại Vương quốc Anh và Việt Nam. Mặc dù số lượng nghiên cứu tại Việt Nam đã tăng trong giai đoạn từ 2015 - 2020, số lượng nghiên cứu của Việt Nam

chỉ chiếm dưới 4,26% của UK. Trong khi Vương quốc Anh luôn nằm trong ba nước có nhiều nghiên cứu nhất thế giới, theo thống kê của Scimago, số nghiên cứu của Việt Nam cũng chỉ tăng từ 58 năm 2015 lên vị trí 46 năm 2020 trên thế giới về số lượng nghiên cứu.



Hình 1. Số lượng nghiên cứu của Vương quốc Anh và Việt Nam từ năm 2015 - 2020

(Nguồn: Scimago, 2020)

Không chỉ có sự khác biệt về số lượng nghiên cứu mà chất lượng nghiên cứu giữa hai nước, thông qua chỉ số trích dẫn cũng có một khoảng cách lớn giữa các nhà khoa học Anh và Việt Nam. Theo Bảng xếp hạng QS năm 2022, tỷ lệ trích dẫn trên một giảng viên trên toàn Việt Nam rất thấp - ngay cả các trường đại học hàng đầu trên cả nước như Đại học Tôn Đức Thắng cao nhất với số điểm 6,6, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội là 5,2, Đại học Quốc gia Hà Nội là 2,3 và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là 1,6. Trong khi đó, chỉ có 3 trường đại học ở Anh có tỷ lệ trích dẫn nhỏ hơn 10 (QS Top Universities Ranking, 2022).

Mặc dù số lượng nghiên cứu còn ít, nhưng trong giai đoạn 1996 - 2001, sản lượng khoa học của cả nước tăng khoảng 16 ấn phẩm mỗi năm và nhanh chóng tăng 20% mỗi năm trong giai đoạn 2002 - 2013. Tuy nhiên, tỷ trọng của hợp tác quốc tế chiếm khoảng 77% tổng sản lượng, điều này có nghĩa là các hợp tác nghiên cứu này chủ yếu do các tác giả nước ngoài đứng đầu. Mặc dù tổng sản lượng nhanh

chóng được tăng lên, đặc biệt là kết quả hợp tác, mức độ đóng góp của các nhà nghiên cứu của Việt Nam thấp trong các hoạt động hợp tác này (Hồ, 2015).

Bên cạnh đó, các nghiên cứu của Việt Nam mới chỉ dừng trên mặt lý luận và chưa được đưa vào thực hiện trong thực tế, ví dụ như là việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững chưa được đưa vào chiến lược phát triển của trường đại học ở Việt Nam. Trong khi đó, ở Đại học Wales, Vương quốc Anh, phát triển bền vững đã được đưa vào làm một trong sáu ưu tiên của chiến lược phát triển năm 2017 - 2020, đồng thời họ cũng có kế hoạch cũng như là KPI đánh giá các hoạt động thực hiện phát triển bền vững của mình (Đại học Wales, 2017).

Một hạn chế nữa của Việt Nam, đó là chi tiêu của ngân sách chính phủ cho nghiên cứu của các trường đại học còn hạn chế tại Việt Nam so với Vương quốc Anh. Tại Vương quốc Anh, chi tiêu của Chính phủ cho hoạt động nghiên cứu năm 2018 là 1,7% GDP (đạt thành tựu phát triển bền vững), trong khi đó, ở Việt Nam, tỷ lệ này chỉ đạt 0,5% (Sachs và cộng sự, 2021). Không chỉ vậy, cơ sở hạ tầng nghiên cứu ở Việt Nam còn phân bố không đồng đều trên cả nước, chủ yếu tập trung ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Vai trò của các trường đại học ở UK và Việt Nam trong việc thực hiện 17 SDGs

2.2.1. Vai trò của các trường đại học Việt Nam và UK trong việc thực hiện mục tiêu mục tiêu xóa nghèo (SDG1); không còn nạn đói (SG2)

Đối với mục tiêu số 1 và mục tiêu số 2, các nghiên cứu của các trường đại học trước tiên cung cấp kiến thức để xóa nghèo. Kiến thức/ giáo dục là một trong những công cụ mạnh mẽ nhất trong việc đưa trẻ em và người lớn bị loại trừ khỏi xã hội thoát khỏi đói nghèo và hòa nhập vào xã hội.

Thứ nhất, các nghiên cứu của trường đại học đánh giá các hoạt động thực hiện phát triển bền vững và hòa nhập vào xã hội của hộ nghèo. Năm 2019, có 52% người trong độ tuổi 25 - 34 tuổi tham gia

học đại học ở Anh (lớn hơn trung bình 45% của các nước OECD) (EAG, 2021), trong khi đó, Việt Nam có tỷ lệ số người từ 18 - 29 tuổi đi học đại học rất thấp, khoảng 28,3%, thuộc hàng thấp nhất thế giới (Trần, 2019). Tỷ lệ người nghèo ở mức 1,9 đô/ngày ở Anh là 0,1, ở Việt Nam là 0,4; tỷ lệ người nghèo ở mức 3,2 đô/ngày ở Anh là 0,2, ở Việt Nam là 4,4 (Sachs và cộng sự, 2021). Thứ hai, nghiên cứu của trường đại học cũng cung cấp các giải pháp để giải quyết tình trạng nghèo đói trong phạm vi địa phương thông qua các phát minh, sáng chế hay các giải pháp cho vấn đề này. Hiện nay, ở Việt Nam, các nghiên cứu của các trường đại học về đói nghèo và giải pháp cho tình trạng đói nghèo cho các nhóm dễ tổn thương (người dân ở vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số,...) đã được chú ý, vẫn chưa có nghiên cứu tổng quan về tình trạng đói nghèo trên phạm vi cả nước. Ở Vương quốc Anh, nghiên cứu lớn nhất về nạn đói ở Anh được công bố vào ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Trường Đại học Heriowatt, đã chỉ ra các nhóm người trên khắp Vương quốc Anh bị ảnh hưởng bởi nạn đói cũng như các động lực chính của việc sử dụng Ngân hàng thực phẩm của Chính phủ (Đại học Heriot Watt, 2021).

2.2.2. Vai trò của các trường đại học Việt Nam và UK trong việc thực hiện mục tiêu sức khỏe và cuộc sống tốt (SDG3) và nước sạch và vệ sinh (SDG6)

Về mục tiêu số 3 (Sức khỏe và cuộc sống tốt) và mục tiêu số 6 (Nước sạch và vệ sinh), hai mục tiêu này hướng đến vấn đề chăm sóc sức khỏe, y tế cho con người, đặc biệt quan trọng trong tình hình dịch bệnh COVID-19 đang gây ra nhiều thiệt hại cho thế giới và cho cả Việt Nam và Vương quốc Anh. Thống kê trong năm 2020, số bài báo khoa học của các trường đại học đang chiếm 80% số bài báo khoa học của Việt Nam, các trường đại học đã tham gia tích cực vào việc giải quyết các vấn đề bức thiết từ thực tiễn phòng chống dịch COVID-19, như sản xuất nước rửa tay khô, nghiên cứu chế tạo buồng khử khuẩn toàn thân di động, Kit xét nghiệm virus SARS-CoV-2,... (VOV, 2021). Cũng như vậy, ở Vương quốc Anh, nghiên cứu của các trường đại học cũng đem lại lợi ích lớn trong lĩnh vực y tế, sức khỏe cho người dân,

đặc biệt phải nói đến là vắc xin phòng bệnh COVID-19 AstraZeneca - được nghiên cứu và phát triển bởi Đại học Oxford và hãng dược nổi tiếng thế giới AstraZeneca (Vương quốc Anh) (Bạch, 2021). Tuy nhiên, đối với sức khỏe tâm lý của người dân, các nghiên cứu ở Việt Nam vẫn còn rất hạn chế. Theo Scimago, trong giai đoạn 1996 - 2020, số nghiên cứu về tâm lý ở Việt Nam là 489 (đứng thứ 69) trên tổng số 84.359, chiếm 0,6%. Trong khi đó ở Vương quốc Anh, số nghiên cứu về tâm lý từ năm 1996 đến năm 2020 là 130.822 (thứ hai thế giới), chiếm khoảng 3% tổng số nghiên cứu.

Các nghiên cứu ở trường đại học của Việt Nam cũng chú ý tới nghiên cứu các giải pháp nước sạch, theo Báo cáo về Phát triển bền vững năm 2021 (Sachs và cộng sự), năm 2017, chỉ có 94,7% dân số ở Việt Nam có nước uống sạch và chỉ có 83,5% dân số tiếp xúc với các dịch vụ vệ sinh cơ bản, tình trạng thiếu nước sạch và vệ sinh ở Việt Nam vẫn còn diễn ra, với nhiều thách thức. Trong khi đó, hai chỉ số này ở Vương quốc Anh đều đạt ngưỡng thành tựu: 100% và 99,1%. Một số nghiên cứu của trường đại học phục vụ cho sự phát triển bền vững mục tiêu số 6 ở Việt Nam có thể kể đến như là: “Cơ sở lý luận và thực tiễn công tác cung cấp nước sinh hoạt đô thị. Nêu thực trạng, đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý cung cấp nước sạch đô thị cho thành phố Bắc Giang của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang” của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2018; hay “Hội thảo khoa học về các giải pháp công nghệ và quản lý trong thu trữ, xử lý nước mưa, nước mặt phục vụ dân sinh vùng Tây Bắc” được tổ chức bởi Đại học Quốc gia Hà Nội, Văn phòng Chương trình Tây Bắc, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn năm 2019.

2.2.3. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện SDG4

Các trường đại học có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Với tư cách là các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học có khả năng tạo ra các giải pháp thay thế mạnh mẽ và sáng tạo cho xã hội, trong khi với tư cách là trung tâm

giảng dạy và tham gia cộng đồng, họ có thể thúc đẩy thay đổi nhận thức của các thành phần trong xã hội (Ariane và James, 2013). Trong các mục tiêu phát triển bền vững, tiếp cận với nền giáo dục chất lượng (SDG4) - “đảm bảo chất lượng giáo dục hòa nhập và bình đẳng cũng như thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người” có vai trò rất quan trọng và cũng là điều kiện tiên quyết để đạt được thành tích ở các mục tiêu khác (EUA, 2018). Thật vậy, bản thân SDG4 không được coi là một mục tiêu, mà là một công cụ để đạt được các mục tiêu khác nhau và khám phá các phương pháp thực hành tốt nhất, thông qua các phương pháp suy diễn - lý thuyết hoặc quy nạp - kinh nghiệm (Sonetti và cộng sự, 2020). Mục tiêu phát triển bền vững số 4 này cũng là mục tiêu liên quan mật thiết tới các trường đại học - mục tiêu 4.3 đã trực tiếp nhắc tới giáo dục đại học: Đến năm 2030, đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng cho tất cả phụ nữ và nam giới đối với giáo dục kỹ thuật, dạy nghề và đại học có chất lượng và giá cả phải chăng, bao gồm cả đại học. Ngoài ra, đại học còn đóng góp vào thực hiện một số mục tiêu khác trong SDG4. Vậy nên, các trường đại học tham gia vào quá trình thực hiện SDG4 một cách toàn diện, bao gồm các hoạt động của nhà trường như giảng dạy, nghiên cứu và quản lý.

Trong giáo dục đại học, các hoạt động đào tạo luôn được gắn chặt chẽ với các hoạt động nghiên cứu. Để hoạt động đào tạo có chất lượng thì cần phải tiến hành hoạt động nghiên cứu. Các nghiên cứu tiếp cận với chuẩn mực quốc tế rồi quay trở lại để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng và trình độ cao cho các trường đại học (VOV, 2021). Vậy nên, một chương trình giảng dạy hiện đại và phù hợp sẽ chỉ tồn tại khi có các hoạt động nghiên cứu. Nghiên cứu thúc đẩy sự xuất sắc về chuyên môn trong đội ngũ giảng viên, điều quan trọng để cung cấp giáo dục và đào tạo sinh viên xuất sắc. Các giảng viên thông qua hoạt động nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình đồng thời nghiên cứu và xây dựng các chương trình học mới, phù hợp với sự phát triển của thế giới, đưa vào giảng dạy các chuyên ngành mới; thông qua hoạt động nghiên cứu để thúc đẩy phát triển

các biện pháp cải thiện chất lượng giáo dục ở Việt Nam như trong mục tiêu 4.c: Đến năm 2030, tăng đáng kể nguồn cung cấp giáo viên có trình độ, bao gồm thông qua hợp tác quốc tế để đào tạo giáo viên ở các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước kém phát triển nhất và các quốc đảo nhỏ đang phát triển, thông qua nhu cầu đó càng bức thiết hơn bao giờ hết.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu của các trường đại học đem lại kiến thức cho sinh viên và giảng viên về phát triển bền vững và các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững - thông qua giáo dục về sự phát triển bền vững và lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy văn hóa hòa bình và không bạo lực, toàn cầu quyền công dân và đánh giá cao sự đa dạng văn hóa và đóng góp của văn hóa vào sự phát triển bền vững - thực hiện mục tiêu 4.7: Đến năm 2030, đảm bảo rằng tất cả người học có được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm, trong số những người khác, thông qua giáo dục về phát triển bền vững và lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy văn hóa hòa bình và không bạo lực, quyền công dân toàn cầu và đánh giá cao sự đa dạng văn hóa và đóng góp của văn hóa vào sự phát triển bền vững.

Ngoài ra, các trường đại học còn có đóng góp vào việc thúc đẩy học tập suốt đời. Học tập suốt đời được định nghĩa là hoạt động học tập trong suốt cuộc đời với mục tiêu nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực trong quan điểm cá nhân, dân sự, xã hội và kinh doanh. Các trường đại học có thể thúc đẩy việc học tập suốt đời thông qua việc công bố các nghiên cứu về học tập cơ bản để cho tất cả mọi người trong xã hội có thể tiếp cận trên trang web hay thư viện online của trường. Trường Đại học Oxford có Nhà xuất bản Oxford với tài liệu học tập cho cả tiểu học, trung học, đại học,... hay sách cho thiếu nhi; ngoài ra, Đại học London còn có rất nhiều khóa học miễn phí online trên Youtube hay trang web của trường. Tất cả những tài liệu, hay khóa học này đều là các sản phẩm từ quá trình nghiên cứu xây dựng chương trình học của các trường đại học. Ở Việt Nam, khả năng này

vẫn còn hạn chế, các trường đại học ở Việt Nam vẫn chưa có nhiều hoạt động thúc đẩy học tập suốt đời trong giáo dục.

2.2.4. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu bình đẳng giới (SDG5) và giảm bất bình đẳng (SDG10)

Đối với mục tiêu số 5 (Bình đẳng giới) và mục tiêu số 10 (Giảm bất bình đẳng), các nghiên cứu của trường đại học có vai trò chỉ ra các khó khăn của những nhóm người chịu thiệt thòi trong xã hội, cũng như là đề xuất những giải pháp giảm bất bình đẳng cho phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật,... trong xã hội. Thông qua việc cung cấp kiến thức về bình đẳng giới, bình đẳng trong xã hội, các nghiên cứu của trường đại học góp phần vào việc loại bỏ dần các hủ tục: tảo hôn, cưỡng ép phá thai, cắt bộ phận sinh dục nữ,...; đảm bảo quyền tiếp cận đối với sức khỏe; đồng thời gia tăng nhận thức của xã hội đối với vai trò của người phụ nữ, đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động chính trị - kinh tế - công cộng (mục tiêu 5.2, 5.5, 5.6). Ngoài ra, nghiên cứu của các trường đại học cho phép cải thiện công nghệ, khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông, để thúc đẩy trao quyền cho phụ nữ, đảm bảo quyền lợi cho những người khuyết tật trong xã hội (mục tiêu 5.b). Việc tham gia các hoạt động nghiên cứu của trường đại học còn giúp kéo gần khoảng cách giữa các nhóm tôn giáo, dân tộc, chủng tộc trong trường đại học đó giúp thúc đẩy và hoà nhập cộng đồng dễ dàng hơn (mục tiêu 10.2). Các hoạt động hợp tác nghiên cứu của trường đại học trong nước với các trường đại học ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế cũng đã tạo cơ hội cho các nước đang phát triển tăng cường đại diện và thể hiện tiếng nói của mình trong trường quốc tế (mục tiêu 10.6). Các nghiên cứu về giới và bình đẳng ở Việt Nam và Vương quốc Anh có nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu chuyên sâu, vượt trội. Trong năm 2020, có 673 nghiên cứu về giới ở Anh, đứng thứ hai thế giới, thứ nhất khu vực châu Âu; Việt Nam có 9 nghiên cứu về giới, đứng thứ 13 trong khu vực châu Á (Scimago, 2020).

Ở Việt Nam, các trường đại học đã hợp tác với các tổ chức quốc tế trong việc nghiên cứu và tìm ra các giải pháp cho tình trạng bất bình đẳng về giáo dục ở Việt Nam (Phạm và cộng sự, 2020) đồng thời nhấn mạnh các ưu tiên thúc đẩy bình đẳng giới giữa những người lãnh đạo trong giáo dục đại học (Trần và Nguyễn, 2020). Tại Vương quốc Anh, các trường đại học từ lâu đã dành nhiều sự quan tâm cho vấn đề bình đẳng trong xã hội. Đại học Cambridge đã coi “nghiên cứu về giới” là một trong các chủ đề nóng trong các bài báo nghiên cứu được xuất bản của trường (Nhà xuất bản Đại học Cambridge, 2017). Một số nghiên cứu về giới và bình đẳng của các trường đại học ở Anh có thể kể đến như: *Bình đẳng giới và hành động tích cực: Bằng chứng từ các trường đại học ở Vương quốc Anh* (Gamage và Sevilla, 2019), *Bình đẳng giới trong tâm thần học ở Vương quốc Anh năm 2019* (Dhingra và cộng sự, 2020),... Đặc biệt các nghiên cứu trong bối cảnh COVID-19 đã được ghi nhận bởi cộng đồng nghiên cứu trong và ngoài nước như nghiên cứu *Bất bình đẳng giới trong đại dịch COVID-19: thu nhập, chi tiêu, tiết kiệm và mất việc làm của hai nhà nghiên cứu thuộc Ngân hàng Thế giới và Trường Đại học Kinh tế Quốc dân* (Đặng và Nguyễn, 2020).

2.2.5. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu công việc tốt và tăng trưởng kinh tế (SDG8)

Đối với việc phát triển bền vững kinh tế, các nghiên cứu của các trường đại học đóng vai trò vào việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao; cung cấp sáng kiến, công nghệ mới phục vụ sản xuất; ngoài ra còn có đánh giá và xây dựng các chính sách kinh tế. Các nghiên cứu về kinh tế ở Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số nghiên cứu do nhu cầu phát triển kinh tế mạnh mẽ của nước đang phát triển. Theo Scimago (1996 - 2020), số nghiên cứu về kinh tế - tài chính Việt Nam chiếm 2,86% tổng số nghiên cứu, trong khi đó, số nghiên cứu về kinh tế tài chính của Vương quốc Anh chiếm 1,96% tổng số nghiên cứu. Các nghiên cứu của trường đại học - đóng vai trò cung cấp kiến thức - đào tạo được lực lượng lao động có trình độ cao hơn, giảm đáng kể tỷ lệ thanh niên không có việc làm hay

lao động chưa được đào tạo, từ đó khiến cho năng suất lao động cao hơn và đạt được mức năng suất kinh tế cao hơn (mục tiêu 8.2 và mục tiêu 8.6). Từ năm 2014 đến năm 2016, tỷ lệ lao động qua đào tạo của Việt Nam đã tăng từ 49% lên 62%. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ mặc dù đã có sự gia tăng nhưng vẫn còn rất thấp, mới chỉ đạt trên 23,68% (Duẩn, 2020). Tỷ lệ lao động trẻ chưa qua đào tạo ở Việt Nam là 15,47% năm 2020, trong khi đó, ở Anh tỷ lệ này là 10,5% (Ngân hàng Thế giới, 2021). Việc cung cấp kiến thức không chỉ giúp lao động kiếm việc làm mà còn góp phần giúp người lao động bảo vệ quyền lao động của bản thân và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn và đảm bảo cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ nhập cư và những người có công ăn việc làm bấp bênh - mục tiêu 8.8. Năm 2018, ở Việt Nam, số nạn nhân của chế độ nô lệ là 4.5 trên 1000 lao động, vẫn còn tồn tại nhiều thách thức trong bảo vệ quyền lợi của người lao động. Ở Anh, số nạn nhân của chế độ nô lệ là 2.1 trên 1000 lao động, đây là mức thành tựu trong thực hiện mục tiêu này (Sachs và cộng sự, 2020). Như vậy, Việt Nam còn phải cố gắng nhiều để bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu của trường đại học còn là động lực thúc đẩy cho hoạt động khởi nghiệp của sinh viên, từ các ý tưởng đột phá về khoa học công nghệ của các nhóm nghiên cứu với nguồn nhân lực có trình độ cao. Các trường đại học, thông qua các hoạt động nghiên cứu, đã hợp tác và làm việc với các công ty, các nhà cung cấp giáo dục và các bên liên quan tại địa phương, từ đó, mở ra cơ hội hỗ trợ kinh doanh sáng tạo thông qua khởi nghiệp cho các sinh viên trong trường đại học. Ở Oxford, Vương quốc Anh, cả trường đại học và hội đồng thành phố đang khuyến khích nhiều doanh nghiệp và nhân tài hơn đến khu vực này để khởi nghiệp bằng một loạt các sáng kiến như Oxfordshire Business Support, Oxford Foundry, Oxford Startup và Oxford University Innovation, tất cả đều nhằm mục đích nhận được tài trợ, hỗ trợ và tiếp cận cho các công ty khởi nghiệp (Bennett, 2020). Công ty Nanopore, được

tách ra khỏi Đại học Oxford vào năm 2005, là một “kỳ lân” công nghệ chuyên về công nghệ giải trình tự DNA và RNA có thể mở rộng cho nghiên cứu sinh học, chăm sóc sức khỏe và các ứng dụng công nghiệp. Nanopore được dẫn dắt bởi người đồng sáng lập và giám đốc điều hành Gordon Sanghera, doanh thu đạt 52.1 triệu Bảng vào năm 2019 (Bennett, 2020). Có thể nói, hoạt động nghiên cứu của trường đại học cũng chính là cơ sở phát triển các công ty khởi nghiệp của trường đại học. Ở Việt Nam, hoạt động thúc đẩy hay tài trợ cho khởi nghiệp của các trường ở Việt Nam đã dần được chú ý, trong đó các hoạt động nghiên cứu của các trường đại học đã nhận được nhiều sự giúp đỡ từ Vương quốc Anh thông qua Hội đồng Anh. Trung tâm Sáng tạo xã hội và Khởi nghiệp (CSIE) thuộc trường Đại học Kinh tế Quốc dân là tổ chức đầu tiên thúc đẩy doanh nghiệp sáng tạo vì xã hội trong các trường đại học của Việt Nam được thành lập nhờ sự thúc đẩy và hỗ trợ kỹ thuật, tài chính từ Hội đồng Anh. CSIE có ba mảng hoạt động là nghiên cứu, giáo dục, ươm tạo tinh thần kinh doanh vì xã hội trong giới trẻ. Theo Hội đồng Anh, quan hệ Đối tác chiến lược giữa Viện Sáng tạo và Tác động xã hội (ISII), Đại học Northampton và CSIE là một minh chứng của hợp tác Anh - Việt. CSIE và ISII trong hơn một năm vừa qua và các năm tiếp theo liên tục cùng nhau thực hiện nghiên cứu quốc gia về doanh nghiệp xã hội, đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh viên, trao đổi nghiên cứu viên, mở ra Impact Hub (trung tâm ươm tạo khởi nghiệp tạo tác động) đầu tiên ở Việt Nam. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Hội đồng Anh cũng đã ký kết thỏa thuận hàng năm tổ chức hội thảo quốc tế về doanh nghiệp xã hội và sáng tạo xã hội, nơi các học giả Việt Nam tiếp cận được các học giả và doanh nghiệp quốc tế, và quy mô của hội thảo mỗi năm một rộng hơn (Hội đồng Anh, 2018).

Bên cạnh đó, các trường đại học còn giúp nghiên cứu các sáng kiến, đổi mới khoa học - công nghệ giúp thực hiện mục tiêu 8.4: hỗ trợ cho các hoạt động sản xuất sử dụng có hiệu quả hơn nguồn tài nguyên toàn cầu, giảm thiểu tác động của các hoạt động kinh tế đến

môi trường và giúp nền kinh tế tăng trưởng bền vững. Các nghiên cứu về chính sách của trường đại học còn giúp thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế cụ thể một cách bền vững như mục tiêu số 8.9 đề cập đến du lịch xanh bằng cách thay đổi nhận thức của người dân về du lịch bền vững thông qua việc cung cấp kiến thức và nghiên cứu đề xuất một số chính sách phát triển du lịch xanh cho chính phủ.

2.2.6. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng (SDG9)

Phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ đóng vai trò then chốt đối với tăng trưởng kinh tế. Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, một hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển là một trở lực lớn đối với sự phát triển. Ở nhiều nước đang phát triển hiện nay, kết cấu hạ tầng thiếu và yếu đã gây ứ đọng trong luân chuyển các nguồn lực, khó hấp thụ, vốn đầu tư, gây ra những ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Thực tế trên thế giới hiện nay, những quốc gia phát triển cũng là những nước có hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển đồng bộ và hiện đại. Trong khi đó, hầu hết các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, có hệ thống cơ sở hạ tầng kém phát triển (Nguyễn, 2018). Vậy nên, các hoạt động nghiên cứu của các trường đại học ngày càng được chú trọng ở Việt Nam, nhất là đối với các bạn sinh viên, qua các hoạt động như giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” được Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam tổ chức hằng năm nhằm mục đích khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học, phát huy năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự học, nâng cao khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên; vận dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực (Nguyễn, 2020).

Ngoài ra, các hoạt động nghiên cứu đóng vai trò giúp tăng số lượng các sản phẩm khoa học, tăng số lượng nhà nghiên cứu; đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ của các ngành công nghệ, đồng thời hỗ trợ đa dạng hóa các sản phẩm công nghiệp và tăng giá trị cho hàng hóa (mục tiêu 9.5 và 9.b). Đầu năm 2021, Đại học Oxford đã phát triển được một phương pháp mới nhanh chóng để sản xuất số lượng lớn vật liệu MOF (thường được sử dụng trong các ứng dụng cảm biến) thân thiện với môi trường, dễ làm và rẻ hơn. Phương pháp đã được áp dụng để sản xuất một thiết kế đặc biệt của MOF - một LMOF dựa trên kim loại bạc có độ phát xạ cao, được phát minh và đặt tên là OX-2 của Oxford (Viện Sáng kiến Đại học Oxford, 2021). Ở Việt Nam, hệ thống giáo dục và đào tạo chính thức còn nặng về lý thuyết hoặc đã lạc hậu, cơ sở hạ tầng nghiên cứu không đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Ngoài hạn chế về kinh phí, việc quản trị giáo dục đại học còn thiếu thông tin về nhu cầu thị trường và các biện pháp khuyến khích đáp ứng các nhu cầu đó (Ngân hàng Thế giới, 2015). Vậy nên, các nghiên cứu của trường đại học về các sáng kiến và đổi mới công nghệ của Việt Nam vẫn còn yếu, cần được đẩy mạnh đầu tư hơn. Hiện nay, vẫn chưa có nghiên cứu đổi mới công nghệ từ các trường đại học ở Việt Nam. Tuy nhiên, các trường đại học ở Việt Nam cũng đang có những định hướng nghiên cứu để phục vụ cho sự phát triển của đất nước. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, trong năm 2021 và các năm tiếp theo, có định hướng các đơn vị chuyên môn và các nhóm nghiên cứu tập trung vào các hướng nghiên cứu trong danh mục ưu tiên về khoa học và công nghệ mà Chính phủ, Bộ Công Thương đã công bố, đồng thời cũng đẩy mạnh hơn nữa các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất kinh doanh và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0" (Bộ Công Thương, 2021).

2.2.6. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu Các thành phố và cộng đồng bền vững (SDG11)

Đối với thực hiện mục tiêu số 11 xây dựng các thành phố và cộng đồng bền vững, các trường đại học đóng vai trò như những

tế bào của xã hội cũng có trách nhiệm với các rủi ro và thách thức chung để bảo vệ môi trường giống như cộng đồng xung quanh và đồng thời có vai trò riêng đối với vấn đề này. Các nghiên cứu của trường đại học cung cấp kiến thức cho người dân về phát triển bền vững, cũng như thông qua các hoạt động nghiên cứu để gắn kết cộng đồng, các thế hệ, các tầng lớp trong xã hội. Ngoài ra, sự tham gia, hợp tác nghiên cứu giữa trường đại học với cơ quan chính phủ, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ về phát triển theo hướng bền vững cộng đồng dân cư có tác động trong nhiều lĩnh vực như: đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa các dự án, sản phẩm, công nghệ bền vững; tổ chức hội thảo, hội nghị, tăng cường nhận thức cho cộng đồng về phát triển bền vững,..., những sự hợp tác này có thể được thực hiện ở cấp địa phương, quốc gia hay khu vực và quốc tế. Từ đó các nghiên cứu có thể giúp nâng cao cơ sở vật chất - cơ sở hạ tầng cho xã hội như nâng cấp hệ thống nhà ở, giảm khu ổ chuột, nâng cấp hệ thống giao thông công cộng (mục tiêu 11.2); bảo vệ di sản văn hóa, lịch sử, các di sản thiên nhiên (mục tiêu 11.4),... Theo Sachs và cộng sự (2020), số người dân thành thị sống trong khu ổ chuột của Việt Nam là 13,8% - mức thách thức, trong khi đó, không có dân thành thị nào ở Anh sống trong khu ổ chuột. Khả năng tiếp cận của người dân Việt Nam đối với nguồn nước, đường ống dẫn nước ở Việt Nam là 81%, ở Vương quốc Anh 100% người dân có thể tiếp cận nguồn nước và đường ống nước. Như vậy, Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức để xây dựng thành phố và cộng đồng bền vững.

Ở Việt Nam, vai trò của nghiên cứu đối với việc nâng cấp cơ sở hạ tầng vẫn còn yếu; các nghiên cứu bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc thiểu số và các di sản thiên nhiên đã được chú trọng: trong danh sách nghiên cứu khoa học của Chính phủ năm 2019 có đề tài về *Định hướng quy trình nghiên cứu xử lý tiếng các dân tộc thiểu số Việt Nam, ứng dụng xử lý tiếng Ê-đê, Văn học Hán Nôm của miền Nam Trung Bộ trong tiến trình văn học cổ điển Việt Nam,...*

2.2.7. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm (SDG12)

Hiệp hội các trường đại học châu Âu chỉ ra rằng chỉ có thể phát triển bền vững nếu chúng ta thay đổi hoàn toàn cách chúng ta sản xuất và tiêu dùng; phát triển các giải pháp sáng tạo trong một nỗ lực hợp tác. Giáo dục đại học là người hỗ trợ quan trọng trong việc mở sự đổi mới. Các trường đại học cũng cung cấp các liên kết cần thiết để nuôi dưỡng hệ sinh thái đổi mới tại địa phương và đạt được sự tăng trưởng bền vững (EUA, 2020). Các hoạt động nghiên cứu của trường đại học cũng góp phần vào xây dựng nền sản xuất và tiêu dùng bền vững cho đất nước. Trước hết, nghiên cứu xây dựng quá trình giảng dạy về sản xuất và tiêu dùng bền vững, đảm bảo cho sinh viên các trường rồi đến người dân ở khắp nơi có thông tin và nhận thức liên quan về phát triển bền vững và lối sống hòa hợp với thiên nhiên, từ đó tạo nên tiềm năng thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân hướng tới mua sắm bền vững các sản phẩm thân thiện với môi trường (mục tiêu 12.7, 12.8). Theo báo cáo của Deloitte 2020 về tiêu dùng bền vững ở Anh, 32% người tiêu dùng đang thực hiện việc áp dụng một lối sống bền vững hơn, 28% người tiêu dùng đã ngừng mua một số sản phẩm nhất định do lo ngại về đạo đức hoặc môi trường; trong thế hệ gen Z, 50% giảm số lượng họ mua và 45% ngừng mua một số thương hiệu nhất định vì lo ngại về đạo đức hoặc tính bền vững (Deloitte, 2021). Như vậy, giáo dục về tiêu dùng bền vững ở Anh đã có những thành tựu đáng kể. Ở Việt Nam, nhận thức của người dân về tiêu dùng bền vững ở Việt Nam vẫn còn kém, và mới chỉ bắt đầu xuất hiện trong thời gian gần đây, thói quen tiêu dùng của người dân vẫn chưa có sự bền vững đáng kể (Hoàng và Nguyễn, 2012).

Không chỉ dừng lại ở việc thay đổi nhận thức của người dân, các nghiên cứu của trường đại học có thể cung cấp các sáng kiến trong việc xử lý, tái chế chất thải sản xuất hay hỗ trợ cho doanh nghiệp các giải pháp sản xuất “xanh” và giúp nhà nước với các sáng kiến về quản lý bền vững và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên

thiên nhiên cũng như xây dựng và thực hiện các công cụ để giám sát các tác động phát triển bền vững đối với du lịch bền vững (mục tiêu 12.2, 12.5, 12.6, 12.b và 12.c). Trường Đại học Oxford ở Anh đã phát triển hai ứng dụng giúp thúc đẩy việc tái chế và giảm chất thải trong sản xuất: Ứng dụng Too Good To Go, cung cấp cho các doanh nghiệp như quán cà phê và nhà hàng một cách để bán các phần thực phẩm dư thừa với giá chiết khấu bằng cách quảng cáo chúng để thu tiền sau đó trong ngày; người dùng được ăn rẻ cũng như tiết kiệm được thức ăn ngon, bổ dưỡng khỏi bị vứt bỏ. Và ứng dụng Olio, là về việc đưa những người có nhiều thức ăn hơn mức họ muốn liên lạc với những người muốn ăn. Ví dụ, nếu một người nào đó đã nấu quá nhiều cà ri có thể sử dụng Olio để cung cấp một phần miễn phí cho bất kỳ ai muốn đến và lấy một phần. Mọi người cũng có thể sử dụng nó để tìm một ngôi nhà tốt cho bất kỳ gói hoặc hộp thiếc nào bị thất lạc trong tủ thực phẩm mà bạn sẽ không bao giờ sử dụng hoặc để lấy nguyên liệu ra khỏi người không cần cần chúng. Ứng dụng có sẵn cho các thiết bị Apple và Android (Đại học Oxford, 2018). Ở Việt Nam, các hoạt động nghiên cứu về các sáng kiến tái chế chưa nhiều, chủ yếu là do các doanh nghiệp tự học hỏi và hợp tác với các công ty trong nước và nước ngoài để giảm thiểu rác thải trong quá trình sản xuất.

2.2.8. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu năng lượng sạch giá hợp lý (SDG7); hành động về khí hậu (SDG13); tài nguyên và môi trường biển (SDG14); tài nguyên và môi trường trên đất liền (SDG15)

Đối với các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường, vai trò cơ bản của trường đại học trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường là cung cấp nghiên cứu để hiểu bản chất và chức năng của các hệ sinh thái trên Trái Đất, tác động của quá trình khai thác năng lượng tới môi trường, xác định sự phát triển trong biến đổi khí hậu và sự nóng lên toàn cầu, như cũng như tác động của chúng; các trường đại học tập hợp các nhà nghiên cứu từ các lĩnh vực khác nhau, với các cách tiếp cận và tài năng khác nhau để tìm các giải pháp sáng tạo đối với những thách thức trong nhiệm vụ

bảo vệ môi trường. Con người khai thác năng lượng từ môi trường cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Con người khai thác năng lượng từ môi trường cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Theo trang web ourworldindata.org, trên thế giới hiện nay, nguồn năng lượng chủ yếu đến từ các nhiên liệu hóa thạch (than, khí đốt) chiếm hơn 60%, các năng lượng tái tạo được

Trung bình, năng lượng được cung cấp bởi các nhà cung cấp ở Anh chủ yếu đến từ khí đốt (khoảng 41%). Các nguồn tái tạo, chẳng hạn như năng lượng gió được sử dụng để sản xuất khoảng 30% năng lượng được cung cấp trong khi tỷ lệ phần trăm của điện than và điện hạt nhân tương ứng là khoảng 13% và 11% (Nexus, 2019). Ở Việt Nam, thủy điện, khí tự nhiên và than là những nguồn năng lượng chính cho sản xuất điện. Than chiếm tỷ trọng cao nhất trong các nguồn năng lượng với 41,6%, theo sau là thủy điện với 37,7% và khí với 18,8%. Ngoài thủy điện lớn, bao gồm cả thủy điện nhỏ, năng lượng tái tạo chỉ chiếm một phần rất nhỏ (0,5%). Mặc dù vậy, từ đầu năm 2019, tỷ trọng năng lượng tái tạo trong hệ thống năng lượng đã tăng lên đáng kể; phần nhiều nhờ vào năng lượng mặt trời; tuy vậy, năng lượng gió cũng đang trên đà phát triển. Việt Nam đặt mục tiêu trong năm 2030, năng lượng tái tạo sẽ chiếm khoảng 10,7% năng lượng được cung cấp (Chương trình hỗ trợ năng lượng GIZ, 2017).

Ở cả Vương quốc Anh và Việt Nam, năng lượng tái tạo được đang được chú trọng, giống như xu hướng thế giới, vì đây là nguồn năng lượng sạch, bền vững. Vậy nên, các nghiên cứu về năng lượng sạch cũng được đẩy mạnh ở các quốc gia để cung cấp kiến thức về năng lượng sạch, các mô hình khai thác để áp dụng ở các vùng trong nước để tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo được sử dụng, tăng tốc độ cải thiện hiệu quả năng lượng và tăng sự tiếp cận các dịch vụ năng lượng giá cả phải chăng, đáng tin cậy và hiện đại để cung cấp kiến thức về năng lượng sạch, các mô hình khai thác để áp dụng ở các vùng trong nước để tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo được sử dụng, tăng tốc độ cải thiện hiệu quả năng lượng và tăng sự tiếp cận các dịch vụ năng lượng giá cả phải chăng, đáng tin cậy và hiện đại

(mục tiêu 7.1, 7.2 và 7.3). Trong số các nghiên cứu của trường Đại học Cambridge, chủ đề năng lượng và chủ đề môi trường là một trong các chủ đề nóng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Ở Việt Nam, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội cũng đã lên kế hoạch nghiên cứu về năng lượng sạch trong chiến lược phát triển khoa học công nghệ của trường giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến 2030, với 4 đề án quy hoạch, phát triển 4 lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên trong đó có lĩnh vực năng lượng và môi trường bền vững và 2 định hướng chính là công nghệ năng lượng tái tạo và công nghệ hiệu quả năng lượng. Trường cũng nhận định rằng đây là chủ đề liên ngành có tính thời sự cao nhằm đảm bảo an ninh năng lượng và góp phần bảo vệ môi trường (Trần, 2021).

Đối với môi trường, hệ sinh thái trên đất liền và dưới biển, hoạt động nghiên cứu của trường đại học sẽ cung cấp các báo cáo đánh giá về môi trường, hoạt động của thiên tai nâng cao nhận thức và năng lực của con người, và cung cấp các sáng kiến, giải pháp làm giảm tác động của thiên tai tới đời sống con người, tăng cường khả năng phục hồi, thích ứng với các hiểm họa liên quan đến khí hậu và thiên tai ở tất cả các quốc gia. Ngoài ra, các nghiên cứu của trường đại học còn có thể giúp ích cho hệ thống cảnh báo sớm đối với biến đổi khí hậu toàn cầu và lồng ghép các biện pháp chống biến đổi khí hậu vào chính sách cho Chính phủ (mục tiêu 13.1, 13.2 và 13.3). Viện Nghiên cứu về Biến đổi Môi trường của Đại học Oxford đã được thành lập năm 1991 để “tổ chức và thúc đẩy nghiên cứu liên ngành về bản chất, nguyên nhân và tác động của biến đổi môi trường và đóng góp vào việc phát triển các chiến lược quản lý để ứng phó với biến đổi môi trường trong tương lai”. Ở Việt Nam, Trường Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nghiên cứu “Triển khai tích hợp hệ thống giám sát biến đổi khí hậu cho mạng lưới quan trắc môi trường Thành phố Hồ Chí Minh” năm 2018, hay nghiên cứu về “Hệ hỗ trợ trực tuyến cảnh báo lũ cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam” năm 2016 (Trung tâm Nghiên cứu Biến đổi khí hậu, 2021). Các hoạt động nghiên cứu về môi trường nói chung

và phát triển bền vững về môi trường nói riêng ở các trường đại học của cả hai quốc gia đều tăng lên đáng kể nhằm tạo nên nỗ lực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững trong tương lai.

2.2.9. Vai trò của các trường đại học trong việc thực hiện mục tiêu hòa bình, công bằng và các thể chế mạnh mẽ (SDG16); và đối tác thực hiện mục tiêu (SDG17)

Mục tiêu số 16 và mục tiêu số 17 là các mục tiêu phát triển bền vững về thể chế. Như các mục tiêu khác, vai trò nghiên cứu của các trường đại học là cung cấp tri thức, nâng cao hiểu biết của người dân, bao gồm các nhà nghiên cứu, giảng viên, sinh viên,... Việc nâng cao trình độ dân trí sẽ giúp người dân hiểu biết để đấu tranh vì quyền lợi của mình; giảm bớt các hành vi sai trái, phạm tội; từ đó thúc đẩy pháp quyền ở cấp quốc gia, nâng cao khả năng tiếp cận công lý bình đẳng cho mọi người (mục tiêu 16.1, 16.2, 16.3); giúp đào tạo nhân lực có trình độ cho bộ máy nhà nước để xây dựng các thể chế, chính sách hiệu quả - minh bạch hơn, tạo động lực để mở rộng sự tham gia của các nước đang phát triển như Việt Nam vào các thể chế toàn cầu và thúc đẩy thực thi các luật và chính sách không phân biệt đối xử để phát triển bền vững (mục tiêu 16.6, 16.8, 16.b).

Ngoài ra, các trường đại học tự chủ mạnh mẽ là các đối tác quan trọng của các chính phủ, các công ty và xã hội dân sự đang hoạt động hướng tới những mục tiêu chung. Những quan hệ đối tác và hợp tác này là rất quan trọng trong việc thúc đẩy và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững: khuyến khích và thúc đẩy các quan hệ đối tác công, công - tư và xã hội dân sự hiệu quả (mục tiêu 17.17). Các trường đại học cũng tạo điều kiện cho mọi người gặp gỡ liên hệ và là những tác nhân quan trọng trong ngoại giao mềm. Hàng nghìn sinh viên vượt qua biên giới để đạt được kiến thức về các nền văn hóa mới đồng thời cũng mang lại sự hiểu biết về chính các quốc gia cho chủ nhà của họ. Các nhà nghiên cứu hợp tác trên toàn cầu giúp xây dựng mạng lưới và phát triển điều kiện cần thiết để duy trì sự đổi mới trên toàn thế giới, giúp phổ biến công nghệ hiện đại, lãnh mạnh của các nước phát triển cho các nước đang phát triển; đồng thời với

sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế có thể xây dựng các sáng kiến để phát triển năng lực thống kê ở các nước đang phát triển, hình thành hệ thống dữ liệu chất lượng cao và đáng tin cậy (mục tiêu 17.7, 17.8 và 17.9). Theo Báo cáo Phát triển bền vững năm 2021 (EUA, 2020), chỉ số hiệu suất thống kê năm 2019 của Vương quốc Anh là 89,9 đã đạt mức thành tựu về mục tiêu phát triển bền vững, trong khi đó, hiệu suất thống kê của Việt Nam năm 2019 là 66, mức vẫn còn nhiều thách thức tuy nhiên đang có xu hướng tăng lên.

Bên cạnh đó, quan hệ giữa Việt Nam và Vương quốc Anh nói riêng và thế giới nói chung đang phát triển ổn định. Ông Gareth Ward, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Vương quốc Anh tại Việt Nam đã khẳng định mối quan hệ giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đang “ở thời kỳ tốt đẹp nhất, các lĩnh vực hợp tác cụ thể đều đạt nhiều kết quả tích cực” (Khánh Lan, 2019). Anh hiện đứng trong top 15 nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam với khoảng 4 tỷ USD. Hội đồng Anh cũng tham gia tài trợ nhiều hoạt động nghiên cứu cho các trường đại học ở Việt Nam như dự án “Luật chống phân biệt, đối xử tại Việt Nam và các nước ASEAN” (King’s at VNU-Law) hợp tác giữa Trường luật Dickson Poon, Đại học King’s College London và Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội nhằm tăng cường sự hợp tác giữa giảng viên, sinh viên và đội ngũ quản lý tại hai khoa luật hàng đầu của Vương quốc Anh và Việt Nam trong các lĩnh vực giáo dục đại học và pháp lý. Dự án đã góp phần to lớn thúc đẩy sự hợp tác sâu rộng hơn về nghiên cứu, giảng dạy và tác động chính sách giữa các giảng viên ở cả 2 trường (Hội đồng Anh, 2015).

3. THẢO LUẬN VÀ KẾT LUẬN

Trường đại học đóng vai trò vô cùng quan trọng trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Báo cáo của chúng tôi chia sẻ các kết luận từ các nghiên cứu khác trên quốc tế được công bố bởi Shulla và cộng sự (2019), Jickling và Wals (2008), Nguyễn (2013) đều khẳng định rằng hoạt động nghiên cứu của các trường đại học có vị trí quan trọng không chỉ vì vai trò của giáo dục trong thực hiện các mục tiêu

phát triển bền vững, mà còn giúp thế giới giải quyết các vấn đề mới nổi và khó dự đoán trong tương lai. Tuy nhiên, qua việc so sánh với nền giáo dục của Vương quốc Anh, bài báo chỉ ra rằng giáo dục đại học Việt Nam, trong đó có lĩnh vực nghiên cứu khoa học, còn tồn tại nhiều hạn chế trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Các hạn chế trong hoạt động nghiên cứu của Việt Nam bao gồm cả hạn chế về số lượng và chất lượng của các bài nghiên cứu khoa học. Trong khi đó, việc cải thiện nền giáo dục đại học của Việt Nam nói chung và hoạt động nghiên cứu của các trường đại học ở Việt Nam nói riêng là vô cùng cần thiết, không chỉ phục vụ khả năng thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững mà còn là nhu cầu tất yếu trong quá trình toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0.

Một số các giải pháp cần xem xét để nâng cao vai trò và tính hiệu quả của trường đại học trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững bao gồm:

- *Nâng cao trình độ giáo viên, các nhà nghiên cứu trong trường đại học ở Việt Nam.* Đối với Việt Nam, quốc tế hóa là động lực chính để nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong nước nói chung và đội ngũ cán bộ giảng dạy nói riêng. Trong khi làm tăng đáng kể sự cạnh tranh trong lực lượng lao động, quốc tế hóa cũng mở ra nhiều cơ hội hơn nữa để phát triển đội ngũ giảng viên. Quốc tế hóa là một yếu tố thúc đẩy đội ngũ giảng viên phải thay đổi, bám sát kiến thức và phương pháp giảng dạy hiện tại nếu họ muốn hòa nhập với các hệ thống giáo dục phát triển khác. Quốc tế hóa cũng là cách mà các nhân viên giảng dạy chuẩn bị cho sinh viên của họ để làm việc trong một môi trường quốc tế và đa văn hóa.... Để đáp ứng yêu cầu nhân lực của lực lượng lao động có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tạo ra những thay đổi căn bản và tổng thể về giáo dục đại học, đặc biệt là phát triển đội ngũ giáo viên (Hồ, 2015). Ngoài ra, đào tạo liên thông cũng là một giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường đại học ở Việt Nam. Liên kết đào tạo còn có một mục tiêu chiến lược, đó là du nhập công nghệ giáo dục tiên tiến, bồi dưỡng đội

ngũ giảng viên, góp phần hiện đại hóa giáo dục đại học Việt Nam (Nguyễn và cộng sự, 2020). Các trường đại học có thể hợp tác với các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ,... trong các hoạt động nghiên cứu và đào tạo của nhà trường, nhằm tạo ra sự mở cửa đa chiều cần thiết cho các trường đại học: hướng tới xã hội dân sự, hướng tới những nơi sản xuất tri thức mới khác, hướng tới không gian - thời gian mạng, hướng tới mục tiêu phổ quát và hướng tới định nghĩa lại các giá trị chi phối chính nó sự tồn tại (Nicolescu, 2018). Từ đó, các nhà nghiên cứu sẽ hiểu thêm về tình hình thực tế các khó khăn cần phải giải quyết trong các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước, các nghiên cứu được nghiên cứu sẽ có thêm các kiến thức thực tế mà không chỉ dừng lại trên lý thuyết nữa, khả năng áp dụng vào thực tế của các nghiên cứu cũng tăng lên.

- *Nâng cao đầu tư cho hoạt động nghiên cứu của các trường đại học.* Thứ nhất, bản thân các trường đại học cần nâng cao đầu tư về sức lực lẫn vật chất cho hoạt động nghiên cứu. Thường các giảng viên giảng dạy trực tiếp là khoảng hai mươi giờ một tuần, chỉ còn ít thời gian để nghiên cứu (Eggins, 2008). Trong khi đó, cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu thì yếu kém, không được đầu tư. Các trường đại học có thể tư nhân hóa hoạt động nghiên cứu bằng cách thông qua hợp tác trong nghiên cứu để nhận các khoản đầu tư từ các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, hay từ các quốc gia khác. Điều cần thiết là các trường đại học phải giành được nhiều quyền tự chủ hơn để vượt ra khỏi vai trò hiện tại của họ trong việc đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng cho các nhà cung cấp đổi mới (Baark, 2016). Ngoài ra, các nhà nghiên cứu của trường đại học phải nhận thức được nhu cầu cấp thiết về phát triển bền vững và tầm quan trọng của nghiên cứu trong quá trình này. Các trường đại học nên coi trách nhiệm nghiên cứu là một trách nhiệm đầy đủ của trường chứ không chỉ đơn thuần là “bổ sung” (Waas và cộng sự, 2010). Thứ hai, đối với Nhà nước, Chính phủ cần tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu của trường đại học. Đối với xu hướng toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, quốc gia nào làm chủ được khoa học - công nghệ sẽ có sức cạnh tranh kinh tế mạnh mẽ,

tuy nhiên để đạt được vấn đề cơ bản đó, cần phải đầu tư xứng đáng cho giáo dục, đặc biệt là cho giáo dục đại học. Thực tế, quá trình phát triển của các quốc gia Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan đã chứng minh điều này (Nguyễn, 2020). Ngoài ra, Việt Nam cần có chính sách phù hợp hơn để định hướng các nhà khoa học trong việc phát triển các đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp và dài hơi, cơ chế để “nuôi dưỡng” kết quả đó hỗ trợ và định hướng hoặc doanh nghiệp có thể trở thành một thị trường và từ đó nhìn nhận các kết quả nghiên cứu ấy phát triển tiếp như thế nào (VOV, 2021). Đồng thời cần có cơ chế, chính sách để đầu tư xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh trong trường đại học cũng là một giải pháp quan trọng trong việc nâng cao nguồn lực nghiên cứu trong tương lai.

- *Hợp tác và kết hợp liên ngành là điều rất cần thiết.* Vậy nên, một điều quan trọng trong nghiên cứu các biện pháp thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững ở các trường đại học là tính liên ngành. Trong khi các trường đại học của Vương quốc Anh đặc biệt chú trọng vấn đề này trong việc xây dựng các chương trình đại học và nghiên cứu liên ngành xuyên suốt, việc xây dựng các chương trình đại học và nghiên cứu liên ngành xuyên suốt ở Việt Nam vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Trong những năm gần đây, Đại học Quốc gia Hà Nội là cơ quan tiên phong đưa vào giảng dạy môn học *Phát triển bền vững: Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam* với mục tiêu là cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển bền vững trên thế giới và thực tiễn ở Việt Nam cũng như giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng về phân tích hệ thống mối tương tác giữa các yếu tố tự nhiên và đời sống xã hội trong hệ sinh thái/ hệ sinh thái nhân văn và quan hệ của chúng trong phát triển bền vững (VNU, 2012). Chương trình Thạc sĩ Khoa học Bền vững của Khoa Các khoa học liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội cũng cung cấp cho người học hệ thống tri thức về các khía cạnh của tính bền vững và sự phát triển bền vững với tư duy và cách tiếp cận liên ngành để nhận diện và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cuộc sống; các công cụ và kỹ năng để đảm bảo tính bền vững của các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp. Tuy nhiên,

các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này từ các trường đại học còn rất hạn chế và cần có nhiều sự cải thiện trong tương lai. Trao đổi kinh nghiệm và thúc đẩy hợp tác giữa các trường đại học của UK dẫn đầu trên thế giới trong lĩnh vực này bao gồm Đại học Oxford, đã cung cấp các khóa học Thạc sĩ về Phát triển Bền vững, Năng lượng và phát triển bền vững, Kinh tế sinh thái (Ecological Economics) (QS Top Universities, 2015) và Đại học Sussex xếp hạng thứ nhất thế giới về nghiên cứu phát triển theo bảng xếp hạng QS từ năm 2017 - 2021 (QS Top Universities, 2017-2021). Trong bảng xếp hạng này, sẽ tạo nhiều điều kiện trao đổi kiến thức và hợp tác trong lĩnh vực giáo dục đại học giữa Vương quốc Anh và Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ariane, K., James. E., (2013). Introduction: experimenting for sustainable development? Living laboratories, social learning and the role of the university. In K. Ariane, ed. *Regenerative Sustainable Development of Universities and Cities*. <https://doi.org/10.4337/9781781003640.00007>.
2. Baark, E., (2016). Innovation System Reform in Indonesia and Vietnam: A new Role for Universities?. *STI Policy and Management Journal* [online]. 1(1). <http://www.stipmjournal.org/index.php/stipm/article/view/53>.
3. Bennett, R., (2020). *12 of the most exciting tech companies in Oxford* [online]. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.growthbusiness.co.uk/12-of-the-most-exciting-tech-companies-in-oxford-2558357/>.
4. Bộ Công Thương., (2021). Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao [online]. *Bộ Công Thương*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://moit.gov.vn/khoa-hoc-va-cong-nghe/dai-hoc-kinh-te-ky-thuat-cong-nghiep-chu-trong-nghien-cuu-va.html>.
5. Chương trình hỗ trợ năng lượng GIZ., (2017) *Ngành điện ở Việt Nam*. Truy cập ngày tháng năm. <http://gizenergy.org.vn/vn/knowledge-resources/power-sector-vietnam>.
6. Đại học Heriot Watt., (2021). Largest study of hunger in the UK released [online]. *Đại học Heriot Watt*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.hw.ac.uk/news/articles/2021/largest-study-of-hunger-in-the-uk-released.htm>.

7. Đại học Oxford., (2018). Cutting food waste [online]. Đại học Oxford. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.ox.ac.uk/staff/news-listing/2018-11-22-cutting-food-waste>.
8. Đại học Skovde., (2016). The importance of research and its impact on education [online]. *Study International*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.studyinternational.com/news/the-importance-of-research-and-its-impact-on-education/>.
9. Đại học Wales., (2017). University of Wales Trinity Saint David Strategic Plan 2017 - 2022 [online]. *Wales: Đại học Wales*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. https://www.uwtsd.ac.uk/media/uwtsd-website/content-assets/documents/strategies-policies/UWTS-D-Strategic-Plan-2017-22_English_FINAL.pdf.
10. Đặng, H.A., và Nguyễn, C.V., (2020). *Gender Inequality during the COVID-19 Pandemic: Income, Expenditure, Savings, and Job Loss*. Institute of Labor Economics (IZA)[online]. IZA Discussion Papers 13824. <https://ideas.repec.org/p/iza/izadps/dp13824.html>.
11. Deloitte., (2021). *Changes and key findings in sustainability and consumer behaviour in 2021* [online]. Deloitte. [Truy cập ngày 16/08/2020]. <https://www2.deloitte.com/uk/en/pages/consumer-business/articles/sustainable-consumer.html>.
12. Dhingra, S., Killaspy, H., Dowling, S., (2020). *Gender equality in academic psychiatry in the UK in 2019*. *BJPsych Bulletin* [online]. 45(3). <https://www.cambridge.org/core/journals/bjpsych-bulletin/article/gender-equality-in-academic-psychiatry-in-the-uk-in-2019/5A60E00AFE2735390A6B0936FD0EE30A>.
13. Duẩn, V., (2020). Chất lượng lao động Việt Nam còn thấp. [online] *Công đoàn*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://nld.com.vn/cong-doan/chat-luong-lao-dong-viet-nam-con-thap-20201220215943947.htm>.
14. EAG., (2021). *Overview of the education system: United Kingdom* [online]. OECD. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://gpseducation.oecd.org/CountyProfile?primaryCountry=GBR&treshold=10&topic=EO>.
15. Eggins, H., (2008). The Changing Academic Profession: Implications for the Asia-Pacific Region. In R. M. Salazar-Clemena & L. V. Meek (Eds.), *Competition, Collaboration and Change in the Academic Profession: Shaping Higher Education's Contribution to Knowledge and Research*. Quezon City: Libro Amigo Publishers [online]. 122-133.
16. The Environmental Change Institute., (2007) *About us*. Truy cập ngày tháng năm. <https://www.eci.ox.ac.uk/about/>.

17. [EUA] Europe University Association., (2018). *Universities and Sustainable Development Towards the Global Goals* [online]. Vương quốc Bỉ: EUA. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://eua.eu/downloads/publications/universities-and-sustainable-development-towards-the-global-goals.pdf>.
18. [EUA] Hiệp hội các trường đại học châu Âu., (2020). *Exploring higher education indicators* [online]. Vương quốc Bỉ: EUA. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021].
19. [EVBN] Mạng lưới doanh nghiệp EU-Việt Nam., (2018). *Research report: Education in Vietnam* [online]. Hà Nội: EVBN. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021].
20. Ferrer-Balas, D., Buckland, H., de Mingo, M., (2009). *Explorations on the University's role in society for sustainable development through a systems transition approach: Case Study of the Technical University of Catalonia*. *Journal of Cleaner Production* [online]. 17(12), 1075-1085. DOI:10.1016/j.jclepro.2008.11.006.
21. Gamage, D.K., Sevilla, A., (2019). Gender Equality and Positive Action: Evidence from UK Universities. *AEA Papers and Proceedings* [online]. 109, 105-109. <https://www.aeaweb.org/articles?id=10.1257/pandp.20191096>.
22. Hà Phương., (2018). Vietnam has 12,000 students in the UK [online]. *Hanoi Times*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <http://hanoitimes.vn/vietnam-has-12000-students-in-the-uk-2488.html>.
23. [HESA] Thống kê sinh viên giáo dục đại học., (2020). *Higher Education Student Statistics: UK, 2019/20* [online]. HESA. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://www.hesa.ac.uk/news/27-01-2021/sb258-higher-education-student-statistics>.
24. Hoàng, V.H., Nguyễn, P.M., (2012). *Environmental Awareness and Attitude of Vietnamese Consumers Towards Green Purchasing*. *VNU Journal of Economics and Business* [online]. 29(2), 129-141. https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/14068/1/Environmental%20Awareness%20and%20Attitude%20of%20Vietnamese%20Consumers%20Towards%20Green%20Purchasing.pdf.
25. Ho, D.M., (2015). *Scientific publications in Vietnam as seen from Scopus during 1996-2013*. *Scientometric* [online]. 105, 83-95. <https://link.springer.com/article/10.1007/s11192-015-1655-x>.
26. Hội đồng Anh., (2015a). “King’s at VNU-Law” hợp tác giảng dạy pháp lý giữa Anh-Việt [online]. *Hội đồng Anh*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.britishcouncil.vn/cac-chuong-trinh/giao-duc/quoc-te-hoa-giao-duc-dai-hoc/cau-chuyen-thanh-cong-giang-day-phap-ly-kings-vnu>.

27. Hội đồng Anh., (2015b). Vietnam-UK Education Cooperation Forum in London [online]. *Hội đồng Anh*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://www.britishcouncil.vn/en/programmes/education/internationalisation/impact-stories/vietnam-uk-education-cooperation-forum>.
28. Hội đồng Anh., (2018a). Phỏng vấn với Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trương Thị Nam Thắng, Giám đốc Trung tâm Sáng tạo xã hội và Khởi nghiệp (CSIE) thuộc trường Đại học Kinh tế Quốc dân [online]. *Hội đồng Anh*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.britishcouncil.vn/gioi-thieu/sach-ky-niem-25-nam/tien-phong-voi-doanh-nghiep-xa-hoi/truong-nam-thang>.
29. Hội đồng Anh., (2018b). UK and Vietnam Higher Education strengthened in 2018 [online]. *Hội đồng Anh*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://www.britishcouncil.vn/en/programmes/education/internationalisation/impact-stories/uk-and-vietnam-higher-education>.
30. Insider Việt Nam., (2018). Vietnam and UK strengthen collaboration for education [online]. *Vietnam Insider*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://vietnaminsider.vn/vietnam-and-uk-strengthen-collaboration-for-education/>
31. Jickling, B., Wals, A.E.J., (2008) *Globalization and environmental education: looking beyond sustainable development*. Journal of Curriculum Studies [online]. 40(1), 1-21, DOI: 10.1080/00220270701684667.
32. Khairuzzaman, Z., (2017). Importance of research in a university [online]. *Daily Sun*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.daily-sun.com/arcprint/details/275720/Importance-of-research-in-a-university/2017-12-17>.
33. Khánh Lan., (2019). Quan hệ giữa Vương quốc Anh và Việt Nam đang ở thời kỳ tốt đẹp nhất [online]. Đảng Cộng sản Việt Nam. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://dangcongsan.vn/chao-xuan-ky-hoi-2019/dat-nuoc-va-xuan/quan-he-giua-vuong-quooc-anh-va-viet-nam-dang-o-thoi-ky-tot-dep-nhat-512313.html>.
34. Nexus., (2019). Where does the UK's energy come from? [online]. *Nexus*. Truy cập ngày tháng năm. <https://nexusenergysolutions.co.uk/where-does-the-uks-energy-come-from/>.
35. Nhà xuất bản Đại học Cambridge., (2017). Hot topics [online]. NXB Đại học Cambridge. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. https://www.cambridge.org/core/services/librarians/hot-topics?fbclid=IwAR2Hh1kvfP9CNkOihDC6XaIBmvfRg92OHlJ_TIIARzZGXBOdL1ncIfDeV-g.
36. Ngân hàng Thế giới., (2015). *Tóm tắt báo cáo: Đánh giá Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam* [online]. Worldbank. [Truy cập ngày 16/08/2021] <https://www.worldbank.org/content/dam/Worldbank/document/EAP/Vietnam/Vietnam-STI-review-executive-summary-TIENGViet-FINAL.pdf>.

37. Ngân hàng Thế giới., (2021). Share of youth not in education, employment or training in Vietnam, UK [online]. *Ngân hàng Thế giới*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://data.worldbank.org/indicator/SL.UEM.NEET.ZS?locations=VN-GB-1W>.
38. Nghị Viện Anh., (2021). Higher education student numbers [online]. *Nghị Viện Anh*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://commonslibrary.parliament.uk/research-briefings/cbp-7857/>.
39. Nguyễn, P.H., (2013) Engineering education for sustainable development in Vietnamese universities: building culturally appropriate strategies for transforming the engineering curriculum towards sustainable development [online]. *University of Gloucestershire*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <http://eprints.glos.ac.uk/2038/>.
40. Nguyễn, V.T., (2018). Phát triển cơ sở hạ tầng đóng vai trò then chốt đối với tăng trưởng kinh tế [online]. *Allplan*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021] <https://allplan.asia/vi/co-so-ha-tang-dong-vai-tro-phat-trien-kinh-te/>.
41. Nguyễn, Đ., (2020). Công bố 10 đề tài đạt giải Nhất Sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2020 [online]. *Tiền phong*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://tienphong.vn/cong-bo-10-de-tai-dat-giai-nhat-sinh-vien-nghien-cuu-khoa-hoc-nam-2020-post1293468.tpo>.
42. Nguyễn, H.T., (2020). *Current state of human resource of International Universities in Vietnam*. *International Journal of Multidisciplinary Research and Development* [online] 7(7), 22-27. Online ISSN: 2349-4182
43. Nicolescu, B., (2018). *The Transdisciplinary Evolution of the University Condition for Sustainable Development*. *Practice and Education* [online]. 73-81. https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-319-93743-4_6.
44. Our World in Data., (2020). Electricity production from fossil fuels, nuclear and renewable energy in the World from 1985 to 2020 [online]. *Our World in Data*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. https://ourworldindata.org/grapher/elec-fossil-nuclear-renewables?country=~OWID_WRL.
45. Oxfam., (2018). *Các chính sách cần thay đổi thế nào để giảm nghèo bền vững và đạt hiệu quả kinh tế?*. *Chuyện bất bình đẳng* [online]. số 2. [Truy cập ngày 16/08/2021]. https://cng-cdn.oxfam.org/vietnam.oxfam.org/s3fs-public/file_attachments/Chuyen%20B%E1%BB%8F%20binh%20%E1%BB%8F%20s%E1%BB%91%20_0.pdf.
46. Pham, T.N., Kappas, M., Wyss, D., (2020). *Benefits and Constraints of the Agricultural Land Acquisition for Urbanization for Household Gender Equality in Affected Rural Communes: A Case Study in Huong Thuy Town, Thua Thien Hue Province, Vietnam*. *Land* [online]. 9(8), 249. <https://doi.org/10.3390/land9080249>.

47. QS Top Universities., (2015). Course Guide: Master in Sustainable Development [online]. *Top Universities*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://www.topuniversities.com/courses/sustainable-development/grad/guide>.
48. Quế Sơn., (2020). Có khoảng 21.000 sinh viên nước ngoài đang học tập tại Việt Nam [online]. *Báo Tiền phong*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://svvn.tienphong.vn/co-khoang-21-000-sinh-vien-nuoc-ngoai-dang-hoc-tap-tai-viet-nam-post1289781.tpo>.
49. Quý Hiền., (2021). Xét tuyển ĐH 2021: Sẽ có hơn 530.000 thí sinh đỗ đại học [online]. *Thanh niên*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://thanhnien.vn/giao-duc/xet-tuyen-dh-2021-se-co-hon-530000-thi-sinh-do-dai-hoc-1384516.html>.
50. Sachs, J., Traub-Schmidt, G., Lafortune, G., Fuller, G., (2021). *Sustainable development report 2021* [Online]. Cambridge: Cambridge Press. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://s3.amazonaws.com/sustainabledevelopment.report/2021/2021-sustainable-development-report.pdf>.
51. Scimago., (2015-2020). Country Rankings [online]. *Scimago*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://www.scimagojr.com/countryrank.php>
52. [SDSN] Mạng lưới phát triển bền vững., (2017). Hướng dẫn thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các trường Đại học [online]. *SDSN*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. https://ap-unsdsn.org/wp-content/uploads/University-SDG-Guide_web.pdf.
53. [SDSN] Sustainable Development Solutions Network., (2020). *University Commitment to the Sustainable Development Goals* [online]. *UNSDSN.org*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://ap-unsdsn.org/regional-initiatives/universities-sdgs/university-commitment/>.
54. [SIS-VNU] Khoa Các khoa học liên ngành Đại học Quốc gia Hà Nội., (2018). Giới thiệu chung về chương trình Thạc sĩ Khoa học Bền vững [online]. *Đại học Quốc gia Hà Nội*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <http://sis.vnu.edu.vn/thac-sy-khoa-hoc-ben-vung/>.
55. Silvia, A.T., Jorge, R.M., Pilar, A., Valderama-Hernández, H., (2020). *The EDINSOST Project: Implementing the Sustainable Development Goals at University Level*. Security and Privacy [online]. pp. 193-210. [Truy cập ngày 16/08/2021]. https://www.researchgate.net/publication/332795755_The_EDINSOST_Project_Implementing_the_Sustainable_Development_Goals_at_University_Level.

56. Shulla, K., Filho, W.L., Lardjane, S., Sommer, K.H., Borgemeister, C., (2020). *Sustainable development education in the context of the 2030 Agenda for sustainable development*. International Journal of Sustainable Development & World Ecology [online]. 27(5), 458-468. DOI: 10.1080/13504509.2020.1721378.
57. Sonetti, G., Barioglio, C., Campobenedetto, D., (2020). *Education for Sustainability in Practice: A Review of Current Strategies within Italian Universities*. Sustainability [online]. 12(13), 5246. <https://doi.org/10.3390/su12135246>.
58. Statista., (2021). Public sector expenditure on tertiary education in the United Kingdom (UK) from 2009/10 to 2020/21 (in billion GBP) [online]. Statista. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://www.statista.com/statistics/298902/higher-education-spending-uk/>.
59. Time Higher Education., (2021). World University Rankings 2021 [online]. Time Higher Education. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2021/world-ranking#!/page/0/length/25/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats.
60. Trần, H., (2019). Tỷ lệ người học đại học Việt Nam thuộc loại thấp nhất thế giới [online]. Tuổi trẻ online. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://tuoitre.vn/ti-le-nguoi-hoc-dai-hoc-vn-thuoc-loai-thap-nhat-the-gioi-20190617134102003.htm>.
61. Trần, T., (2021). Trường Đại học Bách khoa Hà Nội nghiên cứu quang điện mặt trời [online]. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Truy cập ngày tháng năm. https://www.hust.edu.vn/tin-tuc/-/asset_publisher/AKFI5qRls1e8/content/truong-ai-hoc-bach-khoa-ha-noi-nghien-cuu-quang-ien-mat-troi.
62. Trần, T.T.T, Nguyễn, H.V., (2020). *Gender preference in higher education leadership: insights from gender distribution and subordinate perceptions and expectations in Vietnam universities*. International Journal of Leadership in Education [online]. <https://doi.org/10.1080/13603124.2020.1753244>.
63. Trung tâm nghiên cứu biến đổi khí hậu., (2021). Các dự án. Ngày truy cập ngày tháng năm. <https://rccc.hcmuaf.edu.vn/rccc-38169-1/vn/cac-du-an.html>.
64. Trung tâm Truyền thông Giáo dục., (2019). Co-operation Memoranda were signed at Vietnam-UK Education Cooperation and Investment Promotion Forum [online]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://en.moet.gov.vn/news/Pages/events.aspx?ItemID=3917>.

65. [UN] Liên Hợp Quốc., (2015). 17 mục tiêu phát triển bền vững [online]. *Liên Hợp Quốc*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://sdgs.un.org/goals>.
66. [UNEP] United Nations Environment Programme., (2020). *Emissions Gap Report 2020* [online]. Nairobi, Kenya: UNEP. <https://wedocs.unep.org/xmlui/bitstream/handle/20.500.11822/34426/EGR20.pdf?sequence=3>.
67. [UNSDSN] United Nation Sustainable Development Solutions Network., (2017). *Sdsn networks in action* [online]. UNSDSN. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://irp-cdn.multiscreensite.com/be6d1d56/files/uploaded/SDSN-Networks-in-Action-2017-Web-1.pdf>.
68. Viện sáng kiến Đại học Oxford., (2021). Eco-MOFs [online]. Đại học Oxford. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://innovation.ox.ac.uk/licence-details/eco-mofs/>.
69. [VNA] Thông tấn xã Việt Nam., (2021). Vietnam, UK look to beef up education cooperation [online]. *Vietnamplus*. [Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2021]. <https://en.vietnamplus.vn/vietnam-uk-look-to-beef-up-education-cooperation/202189.vnp>.
70. [VNVC] Trung tâm Tiêm chủng VNVC., (2021). Vắc xin phòng COVID-19 của Astrazeneca: “chìa khóa” chấm dứt đại dịch [online]. VNVC. [Truy cập ngày 16/08/2021]. [https://vnvc.vn/astrazeneca/#:~:text=Vắcxin%20phòng%20COVID%2D19%20của%20AstraZeneca%20là%20loại%20vaccine,AstraZeneca%20\(Vương%20quốc%20Anh\)](https://vnvc.vn/astrazeneca/#:~:text=Vắcxin%20phòng%20COVID%2D19%20của%20AstraZeneca%20là%20loại%20vaccine,AstraZeneca%20(Vương%20quốc%20Anh)).
71. [VNU] Đại học Quốc gia Hà Nội., (2012). Đề cương môn học: Phát triển bền vững - Lý thuyết và Thực tiễn ở Việt Nam [online]. *Đại học Quốc gia Hà Nội*. [Truy cập ngày 16/08/2021]. http://hus.vnu.edu.vn/UserFiles/kdc/PTBV_o_Viet_Nam.pdf.
72. VOV., (2021). Nghiên cứu khoa học trong trường đại học góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao [online]. VOV. [Truy cập ngày 16/08/2021]. <https://vov.vn/xa-hoi/giao-duc/nguyen-cuu-khoa-hoc-trong-truong-dai-hoc-gop-phan-xay-dung-nguon-nhan-luc-chat-luong-cao-841418>.
73. Waas, T, Verbruggen, A., Wright, T, (2010). *University research for sustainable development: definition and characteristics explored*. Journal of Cleaner Production [online]. 18, 629-636. <https://ees.kuleuven.be/klimos/papers/waaseaurfordsdefinitionandcharacteristicsexploredjclp.pdf>.

VIỆT NAM và VƯƠNG QUỐC ANH

QUAN HỆ KINH TẾ - THƯƠNG MẠI
HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ CÁC-BON THẤP
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê nhận bằng thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Ngoại thương gắn với lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng tại Trường Đại học Tổng hợp Gdansk (Ba Lan) năm 2000; nhận bằng tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Kingston London (Vương quốc Anh) năm 2006. Từ năm 2002 đến 2006, ông nghiên cứu, giảng dạy tại Đại học Kingston London và tham gia vào các dự án của Chính phủ Anh hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp Anh, Hy Lạp và Ba Lan. Ông từng là nhà tư vấn tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, đầu tư, xây dựng hệ thống quản trị cho các tập đoàn kinh tế và có thời gian làm việc với Ngân hàng Trung ương Ba Lan, BIG Bank Gdank (nay là Bank Millennium).

PGS.TS. Nguyễn Trúc Lê hiện là Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN, đồng thời đảm nhiệm cương vị Phó Chủ tịch thường trực Hội Hữu nghị Việt Nam - Anh và là chuyên gia tư vấn nghiên cứu chính sách cho Trung ương và Chính phủ trong các lĩnh vực: quản lý công, tái cấu trúc các tập đoàn kinh tế và an ninh phi truyền thống. Cho đến nay, ông đã xuất bản 5 sách chuyên khảo, 35 bài báo khoa học về kinh tế và kinh doanh trên các tạp chí uy tín trong nước, quốc tế. Ông cũng là Trưởng ban tổ chức nhiều diễn đàn kinh tế và thương mại quốc tế.

ISBN: 978-604-342-640-3



Giá: 860.000đ